

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 45/2020/DS-ST.

Ngày: 21/9/2020.

“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về hui và vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ánh.

2. Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh, Thư ký Tòa án Huyện.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên
Tòa:** Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười mở phiên
tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2020/TLST-DS, ngày
25 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hui và vay tài
sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 403/2020/QĐST-DS ngày
04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Văn A, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- Bị đơn: Trần Thị Đ, sinh năm: 1963;

Mai Ngọc T, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

(Anh Trần Văn A, bà Trần Thị Đ và ông Mai Ngọc T có mặt tại phiên
Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn
anh Trần Văn A trình bày:

Từ các năm 2012 đến năm 2017, anh có thành lập một số tổ hùn vốn xoay vòng theo mùa, theo hình thức chơi hội. Bà Trần Thị Đ có tham gia một số dây hội do anh làm đầu thảo, các dây hội bà Đầy đều hốt hội và đến nay không đăng hội chết cho anh. Cụ thể, bà Đầy còn nợ anh các chân hội như sau:

Dây thứ nhất: Hội mùa, khai ngày 30/6/2014, có 19 thành viên tham gia, mỗi phần là 5.000.000 đồng (mỗi năm quy định 04 mùa). Bà Đ lấy tên chị Sáu Đ (Tám T) tham gia một phần.

Bà Đ bỏ hội số tiền 1.910.000 đồng và hốt hội vào mùa thứ 4, tức tháng 3 năm 2015, sau khi trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà Đ còn nhận lại số tiền 58.850.000 đồng. Sau khi hốt hội, bà Đ đăng tiền hội chết cho anh được 06 mùa tức từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016.

Thời gian còn lại từ tháng 12 năm 2016 đến khi hội mãn ngày 30/3/2019 là 09 mùa, bà Đ không đăng tiền hội chết cho anh với lý do đang làm nhà không có tiền đăng.

Đến nay, dây hội này đã mãn hội vào tháng 3 năm 2019 (âm lịch), nhwung bà Đ không trả cho tôi số tiền hội của 09 mùa, mỗi mùa là 5.000.000 đồng; cộng là bà Đ còn nợ tôi số tiền là 45.000.000 đồng.

Dây thứ hai:

Hội mùa, khai ngày 30/7/2014 (âm lịch), có 17 thành viên tham gia, số tiền mỗi phần là 5.000.000 đồng, mỗi năm quy định 04 mùa. Bà Đ lấy tên chị Sáu Đ (Tám T) tham gia một phần hội. Bà Đ bỏ hội số tiền là 1.500.000 đồng và hốt hội vào mùa thứ 4, tức tháng 4 năm 2015. Vào ngày 15/5/2015 anh mới gom và giao tiền hội cho bà Đ. Sau khi trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà Đ còn nhận lại số tiền hội của tôi giao là 58.000.000 đồng (có danh sách hội và biên nhận tiền). Sau khi hốt hội xong, bà Đ đăng hội chết cho anh được 6 mùa tức từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 10 năm 2016. Thời gian sau đó, từ tháng 01 năm 2017 đến ngày dây hội mãn ngày 30/7/2018 là 07 mùa, bà Đ không đăng tiền hội chết cho anh, với lý do bà dây dựng nhà kẹt tiền nên bà không có tiền đăng hội chết.

Nay, bà Đ còn nợ anh tiền hội chết của 7 mùa, mỗi mùa 5.000.000 đồng; tổng cộng bà Đ còn nợ anh số tiền hội chết của hội mùa khai ngày 30/7/2014 là 35.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Hội mùa, khai ngày 10/8/2014 (âm lịch) có 17 thành viên tham gia, số tiền mỗi phần là 5.000.000 đồng, mỗi năm quy định 3 mùa. Bà Đ lấy tên Sáu Đ (Tám T), tham gia một phần hội. Bà Đ hốt vào lần đầu ngày 10/8/2014, cụ thể bà Đ bỏ số tiền hội là 1.550.000 đồng. Sau khi trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà Đ còn nhận số tiền là 52.700.000 đồng (có danh sách hội gửi kèm). Như vậy, bà Đ còn phải đóng tiền hội chết cho anh là 16 mùa, kể từ mùa

thứ hai tức tháng 12 năm 2014 (AL) đến ngày mãn hội. Nhưng sau khi hốt hội, bà Đ chỉ đăng hội chết cho anh được 5 mùa, tức từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 4 năm 2016 (AL). Đúng ra, dây hội này đã mãn hội vào tháng 12/2019 (AL), nhưng do các mùa lúa của năm 2017 và năm 2018 thu hoạch sớm, nên các thành viên hội đã đóng sớm hội 01 vụ, vì vậy dây hội này đã mãn hội vào tháng 8 năm 2019 (AL). Như vậy, tính từ tháng 8 năm 2016 đến khi hội mãn, bà Đ thiếu tiền hội chết của anh là 11 mùa, mỗi mùa là 5.000.000 đồng, cộng lại là 55.000.000 đồng. Tôi nhiều lần yêu cầu bà Đ, ông T đăng tiền hội chết cho tôi, nhưng bà Đ hứa nhiều lần, đến nay không trả cho tôi.

Dây hội thứ tư: Hội mùa, khai ngày 05/12/2015, có 16 thành viên tham gia, số tiền hội mỗi phần là 5.000.000 đồng, mỗi năm quy định 3 mùa. Bà Đ lấy tên chị Sáu Đ (Tám T) tham gia một phần. Bà Đ hốt hội lần thứ 3, tức ngày 20/8/2016. Bà Đ bỏ hội số tiền 2.000.000 đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà Đ còn nhận số tiền là 46.500.000 đồng (có danh sách kèm theo). Sau khi hốt hội của anh, bà Đ phải đăng hội chết cho anh là 13 mùa, kể từ tháng 12 năm 2016 đến khi hội mãn, nhưng bà Đ chỉ đăng cho anh được 04 mùa tức từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2017. Thời gian tính từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 8 năm 2019 (AL) là 5 mùa, bà Đ không đăng tiền hội chết cho anh, với số tiền mỗi mùa là 5.000.000 đồng, dây hội này còn 4 mùa nữa mới mãn hội, tức tháng 12 năm 2020 (AL).

Ngoài 04 dây hội nêu trên, vào năm 2012, anh có tham gia một dây hội mùa là 5.000.000 đồng do bà Đ làm đầu thảo, mở ngày 02/02/2012 (AL) có 16 người tham gia, mỗi năm tính 3 vụ, anh tham gia một phần. Anh đã đăng tiền hội cho bà Đ đầy đủ được 15 mùa từ Đông Xuân năm 2012 đến vụ 3 năm 2016 (AL), nhưng khi đến lượt anh hốt hội tức mùa Đông Xuân năm 2017 thì bà Đ không giao tiền hội cho anh. Nay anh yêu cầu ông T và bà Đ phải trả cho anh 15 mùa hội chết chưa giao tiền cho anh mỗi mùa là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 75.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, vào đầu năm 2014, vợ chồng ông T và bà Đ cùng đến nhà anh hỏi mượn anh số tiền là 15 chỉ vàng 24kara, vàng nhẫn 4 số 9 để đóng phà máy cày, hứa đến cuối năm 2014 sẽ trả lại cho anh, nhưng đến nay vợ chồng ông T và bà Đ không trả cho anh.

Nay, anh Trần Văn A rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông T và bà Đ trả phần tiền hội của bốn dây hội gồm: Dây hội ngày 30/6/2014 (âm lịch), dây hội ngày 30/7/2014 (âm lịch), dây hội ngày 10/8/2014 (âm lịch), dây hội ngày 05/12/2015 (âm lịch), chỉ yêu cầu ông T và bà Đ cùng liên đới trả cho anh Trần Văn A số tiền hội 75.000.000 đồng của dây hội ngày 02/2/2012 (âm lịch); anh A yêu cầu ông T và bà Đ cùng liên đới trả 15 chỉ vàng 24kara (yêu cầu tương đương 60.000.000 đồng).

- Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Bà có tham gia các dây hụi do anh Trần Văn A trình bày và anh Trần Văn A có tham gia dây hụi do bà làm đầu thảo; nhưng do kẹt tiền xây dựng nhà, nên bà không trả tiền hụi cho anh Trần Văn A. Nay theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn A, bà thống nhất cùng với ông Mai Ngọc T trả số tiền trên cho anh Trần Văn A.

- Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa bị đơn ông Mai Ngọc T trình bày: Theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn A yêu cầu ông trả số tiền của 4 dây hụi mùa với số tiền là 160.000.000 đồng; ngoài ra còn yêu cầu ông và bà Đ phải trả cho anh A số tiền hụi mùa do bà Đ làm đầu thảo là 75.000.000 đồng; số tiền nợ vàng 15 chỉ vàng 24kara (chỉ yêu cầu là 60.000.000 đồng). Tổng cộng là 295.000.000 đồng; ông không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của anh A, vì: Ông không biết việc bà Đ và anh A tham gia hụi với nhau và thiếu tiền như thế nào, ông không có nhận tiền của anh A để tiêu dùng trong gia đình.

Đối với dây hụi do bà Đ làm đầu thảo hụi khai ngày 02/02/2012 (âm lịch), hiện thiếu tiền hụi anh A; ông có biết, vì việc bà Đ làm đầu thảo khi đó vợ chồng chưa ly thân, bà Đ có nhận tiền hoa hồng để phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình, nhưng ông không hề biết tiền hụi này bà Đ đã giao cho anh A chưa, nên ông đồng đồng ý trả cho anh A số tiền hụi này.

Đối với số vàng 15 chỉ vàng 24kara, hiện nay anh A yêu cầu ông và bà Đ trả trị giá số tiền là 60.000.000 đồng, ông cũng không có mượn vàng của ông A, không viết biên nhận vay vàng của ông A, nên tôi không có trách nhiệm phải trả.

- *Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có ý kiến gì; những người tham gia tố tụng, thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Tại phiên Tòa nguyên đơn là anh Trần Văn A tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các dây hụi ngày 30/6/2014 (âm lịch), dây hụi ngày 30/7/2014 (âm lịch), dây hụi ngày 10/8/2014 (âm lịch), dây hụi ngày 05/12/2015 (âm lịch). Anh Trần Văn A chỉ yêu cầu ông Mai Ngọc T và bà Trần Thị Đ trả cho anh số tiền của dây hụi khai ngày 02/2/2012 (âm lịch) với số tiền là 75.000.000 đồng; yêu cầu ông T và bà Đ cùng liên đới trả 15 chỉ

vàng 24kara (trị giá 60.000.000 đồng) . Xét thấy, tại phiên Tòa anh Trần Văn A rút một phần yêu cầu khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần mà anh Trần Văn A đã rút; đối với phần yêu cầu ông T và bà Đ cùng liên đới trả số tiền của dây hụi ngày 02/2/2012 là 75.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24kara (trị giá 60.000.000 đồng) là có một phần căn cứ. Vì, tại phiên Tòa ông T biết việc bà Đ mở dây hụi này, bà Đ làm đầu thảo hụi, khi đó ông T và bà Đ chưa ly thân với nhau; ngoài ra, tại Bản án số 55/2019/DS-ST, ngày 22/11/2019, của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười cũng đã giải quyết ông T và bà Đ cùng liên đới trả tiền hụi của phần dây hụi này cho bà Huỳnh Tuyết N (là hụi viên trong dây hụi ngày 02/2/2012). Cho nên, yêu cầu này của ông Trần Văn A là có căn cứ để chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông Trần Văn A yêu cầu ông T và Đ trả số vàng 15 chỉ vàng 24kara (trị giá 60.000.000 đồng) là có một phần căn cứ, vì bà Trần Thị Đ đồng ý trả phần tiền này cho anh Trần Văn A, ông Mai Ngọc T không thừa nhận khoản nợ này; ông Trần Văn A không cung cấp được biên nhận cũng như chứng cứ nào khác thể hiện ông T có vay, biết và có sử dụng chung số vàng 15 chỉ này cùng với bà Đ. Cho nên, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của anh Trần Văn A, buộc bà Đ trả số tiền 60.000.000 đồng (15 chỉ vàng 24kara) cho anh Trần Văn A. Do đó, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A, buộc ông Mai Ngọc T và bà Trần Thị Đ cùng liên đới trả cho anh Trần Văn A số tiền 75.000.000 đồng; buộc bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn A số tiền 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên Tòa anh Trần Văn A rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông T và bà Đ phần tiền hụi của bốn dây hụi gồm: Dây hụi ngày 30/6/2014 (âm lịch), dây hụi ngày 30/7/2014 (âm lịch), dây hụi ngày 10/8/2014 (âm lịch), dây hụi ngày 05/12/2015 (âm lịch), chỉ yêu cầu ông T và bà Đ cùng liên đới trả cho anh Trần Văn A số tiền hụi 75.000.000 đồng của dây hụi ngày 02/2/2012 (âm lịch); anh A yêu cầu ông T và bà Đ cùng liên đới trả 15 chỉ vàng 24kara (yêu cầu tương đương 60.000.000 đồng). Việc rút một phần yêu cầu của anh Trần Văn A là tự nguyện; cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với phần yêu cầu mà anh Trần Văn A đã rút yêu cầu.

[2] Xét yêu cầu của anh Trần Văn A, về việc yêu cầu ông Mai Ngọc T và bà Trần Thị Đ cùng liên đới trả cho anh Trần Văn A số tiền 75.000.000 đồng của dây hui ngày 02/02/2012 (âm lịch) do bà Trần Thị Đ làm đầu thảo hui. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A đối với khoản tiền này là có căn cứ để chấp nhận, vì:

[3] Theo lời trình bày của bà Trần Thị Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, bà Đ thừa nhận có làm đầu thảo hui của dây hui ngày 02/02/2012 (âm lịch), dây hui này gồm có 16 thành viên, mỗi phần là 5.000.000 đồng, anh Trần Văn A có tham gia một phần, anh A có hốt hui nhưng bà Đ chưa giao cho anh A với số tiền hui là 75.000.000 đồng, nên bà đồng ý trả số tiền này cho anh Trần Văn A. Ngoài ra, ông Mai Ngọc T trình bày tại phiên Tòa, là ông có biết bà Đ có mở dây hui ngày 02/02/2012 (âm lịch), khi mở dây hui này vợ chồng chưa ly thân, bà Đ dùng tiền hoa hồng để trang trải cuộc sống sinh hoạt cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặt khác, thành viên của dây hui ngày 02/02/2012 (âm lịch) bà Huỳnh Tuyết N đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười giải quyết tại Bản án số 55/2019/DS-ST, ngày 22/11/2019 là buộc ông T và bà Đ cùng liên đới trả cho bà Huỳnh Tuyết N số tiền 70.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật, đã được một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Cho nên, yêu cầu khởi kiện này của anh Trần Văn A được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của anh Trần Văn A yêu cầu ông T và bà Đ cùng liên đới trả cho anh số tiền 60.000.000 đồng (của số vàng 15 chỉ vàng 24kara). Hội đồng xét xử, xét thấy; yêu cầu này của anh A là có một phần căn cứ, vì: Bà Trần Thị Đ thừa nhận có mượn số vàng 15 chỉ vàng 24kara từ anh Trần Văn A và bà Đ đồng ý cùng ông T trả số tiền 60.000.000 đồng cho anh Trần Văn A, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì được bà Đ thừa nhận.

[5] Tuy nhiên, đối với yêu cầu của anh Trần Văn A yêu cầu ông Mai Ngọc T cùng liên đới với bà Đ trả cho anh A số vàng 15 chỉ vàng 24 kara (chỉ yêu cầu số tiền 60.000.000 đồng) là không có căn cứ, vì: Anh A không chứng minh được ông T có mượn số vàng này cùng với bà Đ, anh A không chứng minh được có biên nhận mượn vàng có chữ ký của ông T; ngoài ra, cũng không có căn cứ nào khác để chứng minh ông T biết bà Đ có vay số tiền này từ ông A; vì ông T không thừa nhận khoản vay này từ ông A. Cho nên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A.

[6] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc khởi kiện của anh Trần Văn A là có một phần căn cứ; nên chấp nhận một phần yêu cầu của anh Trần Văn A. Buộc ông Mai Ngọc T và bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho anh Trần Văn A số tiền là 75.000.000 đồng; buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn A số tiền là 60.000.000 đồng.

[7] Xét thấy tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu quan điểm về phần nội dung giải quyết vụ án, là chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A. Hội đồng xét xử, xét thấy như đã phân tích ở trên. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm phát biểu về nội dung giải quyết vụ án, của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

[8] Do yêu cầu của anh Trần Văn A được chấp nhận, nên ông T và bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A về việc yêu cầu ông T, bà Đ trả tiền 04 dây hụi 160.000.000 đồng và 2.500.000 đồng tiền hoa hồng của dây hụi ngày 02/12/2012 do anh A rút yêu cầu.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A.

Buộc ông Mai Ngọc T và bà Trần Thị Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Văn A số tiền 72.500.000 đồng (Bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn A số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Hoàn lại cho anh Trần Văn A số tiền 7.375.000 đồng là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007097 ngày 07/01/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

+ Ông Mai Ngọc T và bà Trần Thị Đ cùng liên đới chịu 3.625.000 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Trần Thị Đ phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Ngọc